

VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

MAI DIỄN

tổng thuật

Trong một vài năm trở lại đây, vấn đề “triết lý giáo dục”, “triết học giáo dục” đã trở thành một sự kiện thời sự được nhiều người quan tâm, bàn thảo. Xem xét những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn giáo dục, các nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý có tâm huyết đều muốn tìm lối ra cho nền giáo dục nước nhà bằng cuộc cải cách giáo dục toàn diện và triệt để, trên cơ sở một triết học giáo dục và một tư duy giáo dục mới. Nhằm thông tin và bình luận về vấn đề này trên phạm vi thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, ngày 18/9/2008, tại Viện Thông tin Khoa học xã hội đã diễn ra Hội thảo khoa học “Một số vấn đề về triết lý giáo dục và triết lý giáo dục ở Việt Nam: Thông tin và bình luận”. Dưới đây là những nội dung chính của Hội thảo.

I. Về triết lý giáo dục

1. Triết học giáo dục hay triết lý giáo dục

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, vấn đề quan trọng trước nhất để bắt đầu nghiên cứu và thảo luận về chủ đề này một cách nghiêm túc là phải làm rõ và hiểu một cách thống nhất về thuật ngữ “triết học giáo dục” và “triết lý giáo dục”. PGS. Phạm Khiêm Ích (Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Việt Nam) nhìn nhận “triết học giáo dục” như là một bộ môn nghiên cứu, còn “triết lý giáo dục” như những niềm tin, những ứng xử của các cá nhân hoặc các nhóm xã hội trong hoạt động giáo dục. Cụ thể hơn, Nhà giáo ưu tú Vũ Thế Khôi (Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hoá Đông Tây) quan

niệm, “triết học giáo dục” là chuyên môn thuộc một chuyên ngành khoa học bao quát hơn, vẫn gọi là giáo dục học (*pedagogy*), nghiên cứu tập trung về sự hình thành và phát triển các triết lý giáo dục qua từng thời đại và tham gia xây dựng một triết lý giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội đương đại. Trong khi đó, “triết lý giáo dục” biểu thị cái định hướng tư tưởng cơ bản trên thực tế chi phối toàn bộ quá trình giáo dục - đào tạo trong một thời kỳ nhất định (mục tiêu, nội dung, phương pháp), bất luận nó có được phát biểu thành lời hay không.

Trên cơ sở xác định nội hàm các thuật ngữ với tính cách là “khái niệm

công cụ” như vậy, các nhà nghiên cứu tại Hội thảo này đã lần lượt xem xét một số vấn đề về triết lý giáo dục và triết lý giáo dục ở Việt Nam.

2. Phương pháp luận của triết học giáo dục

Về chuẩn thức giáo dục thế kỷ XXI hay một số vấn đề phương pháp luận của triết học giáo dục, tác giả Ngô Thế Phúc (Viện Thông tin KHXH) cho rằng, xu hướng chủ nhận thức (*cognitivism*) với tính cách nguyên tắc nền tảng của “thời hiện đại” đòi hỏi phải đề ra một mô hình giáo dục mới đáp ứng những yêu cầu của việc nhận thức khách quan thực tế xung quanh tương hợp với việc tích lũy và chuyển giao vốn tri thức này cho các thế hệ sau. Những yêu cầu này đã được thể hiện trong chuẩn thức giáo dục hiện đại với đặc trưng trước hết là các xu thế *tính duy lý, tính bách khoa* và *tính phổ quát* của tri thức. Kết quả của việc hiện thực hoá các phương châm này của chiến lược giáo dục hiện đại đã được suy nghiệm có phê phán từ cuối thế kỷ XIX và trong thế kỷ XX. Trong số các nhà tư tưởng lần đầu tiên nêu ra vấn đề về dự án của thời hiện đại nói chung và chuẩn thức giáo dục của nó nói riêng có thể kể đến F. Nietzsche, E. Huserl, L. Wittgenstein, các đại biểu của Trường phái Frankfurt và nhiều người khác nữa. Phân tích mô hình giáo dục hiện đại nói riêng, các nhà triết học Trường phái Frankfurt chỉ ra rằng, việc thể hiện trong chuẩn giáo dục tư tưởng làm chủ thực tế theo chủ nghĩa duy lý, tư tưởng về tính phổ biến của giáo dục và định hướng vào việc dạy cho học sinh mọi thứ, rốt cuộc đã dẫn đến chỗ làm cho văn hoá ngày càng trở nên nghèo nàn hơn, rập khuôn, xơ cứng, khiến con người mất đi năng lực suy nghiệm phê

phán đối với hiện thực. Các nhà tư tưởng cho rằng quá trình giáo dục trong “thời hiện đại” đang được thực hiện giống như kiểu sản xuất công xưởng. Cùng với bước quá độ từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, tư tưởng giáo dục đại chúng đang thế chỗ nền giáo dục tinh hoa, xuất hiện hiện tượng xã hội đại chúng và ý thức đại chúng.

Chuẩn thức giáo dục của thời hậu hiện đại chủ yếu tập trung nhấn mạnh sự cần thiết phải hình thành các kỹ năng tư duy sáng tạo, năng lực tự tìm tòi khoa học, năng lực tự biết định hướng trong dòng thông tin v.v..., ý nghĩa đặc biệt thuộc về các bộ môn dạy cách tư duy logic (như triết học, toán học và các môn khác), hướng vào xu thế cá nhân hoá giáo dục (học vấn) bằng các công nghệ *computer*. Thế giới ngày nay đang rất cần có một chuẩn thức giáo dục đảm bảo được không chỉ các kỹ năng nắm vững tri thức và định hướng trong trường thông tin, mà còn là cuộc sống chung của loài người, phát triển đối thoại tích cực hơn trong điều kiện đa văn hoá.

3. Phân kỳ lịch sử triết học giáo dục

“Sơ đồ chung về phân kỳ lịch sử triết học giáo dục” của hai nhà triết học giáo dục Nga A. P. Ogurcov và V. V. Platonov đã được PGS. Phạm Khiêm Ích giới thiệu tại Hội thảo, bao gồm: 1/ Thời kỳ tiền sử của triết học giáo dục là thời kỳ trước khi triết học giáo dục được tách thành bộ môn nghiên cứu riêng; 2/ Thời kỳ triết học giáo dục sơ khởi (*proto-philosophy of education*) từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX; 3/ Thời kỳ hình thành triết học giáo dục những thập niên 40, 50 và 60 của thế kỷ XX; và 4/

Thời kỳ phát triển cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI.

Trong “một lịch sử rất ngắn và một tiền sử rất dài” của triết học giáo dục, đáng chú ý có sự xuất hiện của thuật ngữ “philosophy of education” ở những năm đầu của thế kỷ XX và John Dewey (1859-1952) là nhà triết học giáo dục xuất sắc của thế kỷ này. Trong tác phẩm *Dân chủ và giáo dục (Democracy and Education, 1916)*, Dewey đã nêu lên quan niệm mới về giáo dục trong xã hội dân chủ, và ông viết: “Triết học giáo dục không phải là sự áp dụng các tư tưởng có sẵn từ bên ngoài vào một hệ thống thực hành có nguồn gốc và mục đích khác biệt về cơ bản”. Triết học giáo dục hình thành gắn liền với sự tổ chức lại (*reconstruction*) hệ thống triết học cùng với tổ chức lại nền giáo dục và tổ chức lại các lý tưởng xã hội và các phương pháp để đáp ứng những đòi hỏi của đời sống. Nếu như sự đòi hỏi đó khiến cho việc xem xét lại những quan niệm cơ bản của các hệ thống triết học truyền thống là điều cấp thiết, thì đó là bởi vì đời sống xã hội đã có những đổi thay triệt để xảy ra đồng thời với tiến bộ của khoa học, của cuộc cách mạng công nghiệp, và sự phát triển của dân chủ. Những thay đổi thực tiễn như vậy không thể xảy ra mà không đòi hỏi một sự cải cách nền giáo dục để đáp ứng các thay đổi, mà không dẫn dắt con người tới chỗ đặt câu hỏi đầu là những quan niệm và lý tưởng nằm trong những thay đổi xã hội đó, và cần thiết phải thay đổi những quan niệm và lý tưởng nào được thừa hưởng từ các nền văn hoá khác trong quá khứ. PGS. Phạm Khiêm Ích nhận định, những lời trên đây của John Dewey chứng tỏ rằng sự ra đời của triết học giáo dục là bước ngoặt lớn trong sự

phát triển của triết học, giáo dục và đời sống xã hội.

Ở những thời kỳ phát triển tiếp sau, người ta ghi nhận sự thiết chế hoá xã hội của triết học giáo dục với việc thành lập Hội Triết học giáo dục Hoa Kỳ (PES) tại Đại học Columbia tháng 2/1941, xuất bản Tạp chí Educational Theory của Hội năm 1951, thành lập Hội Triết học giáo dục Anh quốc (PESGB) năm 1964, xuất bản tờ Journal of Philosophy of Education năm 1965... “Một kỷ nguyên mới trong suy tư triết học bộ môn về mục tiêu và quá trình giáo dục đã mở ra”. Sự tiếp cận triết học mới này về giáo dục đã tạo được ý nghĩa rộng lớn ở nhiều nơi trên thế giới. Môn triết học giáo dục mang ý nghĩa mới hẳn đã xuất hiện. Như vậy, bản thân triết học giáo dục đã chín muồi thành một lĩnh vực năng động, cống hiến dồi dào hơn bao giờ hết cho việc thấu triết của chúng ta về những vấn đề cơ bản nhất của lý thuyết và thực tiễn giáo dục.

4. Triết lý giáo dục của Plato, Rousseau, Kant và Dewey

Hội thảo đã dành một phần thời gian nhìn nhận lại hành trình đi tìm triết lý giáo dục của nhân loại. GS., TS. Chu Hảo (Nhà xuất bản Tri thức) thông tin cho biết, ngay từ thế kỷ IV trước Công nguyên, Plato là người đầu tiên chủ tâm giảng giải cho nhân loại biết thế nào là giáo dục: Một xã hội ổn định khi mỗi cá nhân làm công việc phù hợp với những năng khiếu tự nhiên theo cách anh ta có ích cho những người khác (hay đóng góp cho cái toàn thể mà anh ta thuộc về); và nhiệm vụ của nền giáo dục là phát triển những năng khiếu tự nhiên này và huấn luyện chúng dần dần cho mục đích xã hội. Triết lý của Plato, dù là

điều không tưởng do dựa trên giả thiết đã có một tổ chức xã hội công bằng - dân chủ, nhưng nó vẫn là ngọn hải đăng giáo dục cho mọi tổ chức xã hội cho đến tận thế kỷ XVIII với quan niệm cho rằng: Sứ mạng của giáo dục là chuẩn bị cho người học gia nhập vào một xã hội nhất định nào đó để phục vụ cho xã hội ấy.

Đến giữa thế kỷ XVIII, J. J. Rousseau đã đưa ra ý tưởng mới mang tính cách mạng: Con người sinh ra là thiện, mọi xã hội đều có xu hướng làm hỏng cái thiện có sẵn ấy trong con người; và vì vậy sứ mạng chủ yếu của giáo dục là làm cho cái bản tính tốt đẹp tự nhiên của con người được duy trì và phát triển, chứ không phải là đào tạo con người theo lợi ích của xã hội (đã bị chính con người làm cho tha hoá); và rằng con người chỉ có một nghề duy nhất là “làm người”. Triết lý “vị cá nhân” mang tính “phòng vệ” (*negative*) này cũng gặp phải một trở ngại lớn: “Môi trường tự nhiên” cần thiết cho đứa trẻ đi học có thể phát huy được cái “thiện” của mình chỉ là sản phẩm thuần túy tư duy của Rousseau.

Cuối thế kỷ XVIII, E. Kant có một cách nhìn nhận khác hẳn: Nhân loại bắt đầu lịch sử của mình trong tình trạng bị tự nhiên khống chế - chứ không phải với tư cách con người là một sinh vật có lý trí, trong khi đó tự nhiên chỉ cung cấp bản năng và lòng ham muốn. Vì vậy “Con người là tạo vật duy nhất cần phải được giáo dục” hay “Con người là những gì được giáo dục tạo nên”. Triết lý giáo dục của thế kỷ XVIII lúc đầu mang nặng tính cá nhân chủ nghĩa Rousseau, nhưng sau đó Kant và những người khác (Fichte, Hegel,...) đã bổ sung thêm yếu tố “nhân loại” thông qua vai trò điều hành và giám sát của xã hội - nhà

nước để dung hòa hai mục tiêu cơ bản của giáo dục: hoàn thiện con người vì bản thân con người và cung cấp kỹ năng để phục vụ xã hội - nhà nước.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cùng với sự xuất hiện trào lưu thực dụng luận (*pragmatism*), trào lưu tân giáo dục đã ra đời ở Mỹ mà người khởi xướng là John Dewey. Theo ông, “Triết lý giáo dục là lý luận giáo dục xét như một thực tiễn được thực hiện một cách có chủ tâm”. Bởi vậy, triết lý giáo dục nào cũng phải chứa đựng những điều cốt lõi sau đây: Mục tiêu tối hậu của giáo dục là gì? Và để đạt mục tiêu ấy cần phải hành động theo phương châm nào? Và bằng phương pháp nào? Tư tưởng tân giáo dục của Dewey phủ nhận hoàn toàn nền giáo dục truyền thống (tách biệt một cách phản dân chủ giữa nhà trường và xã hội, giáo dục và cuộc sống, thầy giáo và học trò) đã từng được áp dụng từ thời Plato cho đến thời điểm đó. Nguyên lý của Dewey “Giáo dục không chỉ như là quá trình truyền đạt mà chính là bản thân cuộc sống; nhà trường không tách rời khỏi xã hội; và học trò là trung tâm của quá trình giáo dục” hiện vẫn là ngọn đuốc soi đường cho giáo dục ở các xã hội dân chủ.

Từ cuối thế kỷ XX, đã xuất hiện hai khuynh hướng mới trong giáo dục, đó là “Tân tự do” và “Tân phòng vệ” đối chọi nhau về mặt triết lý. Khuynh hướng “Tân tự do” coi giáo dục chủ yếu là hàng hóa, đầu tư cho học tập là đầu tư cho “vốn con người” cực kỳ vị kỷ vì nó được coi là của cải tư, mang đến lợi tức cho người có cái vốn đó. Khuynh hướng “Tân phòng vệ” coi giáo dục chủ yếu là công ích, nhằm đào tạo những con người của và vì xã hội - nhân loại, trùng hợp với quan điểm của Rousseau về một nền giáo

dục “phòng vệ”; nhưng khác là không đặt nhà trường “bên ngoài” xã hội, mà ngay trong xã hội phức hợp, đa dạng và bất định và coi mục đích cuối cùng của giáo dục hiện đại là: 1/ Hình thành những khối óc được rèn luyện tốt; đào tạo những con người có đủ năng lực tổ chức và liên kết các trí thức để mưu cầu hạnh phúc cho bản thân mình và cho toàn xã hội chứ không phải nhồi nhét kiến thức theo kiểu chất vào kho; 2/ Giáo dục về hoàn cảnh con người, làm cho mọi người có ý thức sâu sắc thế nào là một con người. Dạy cho thế hệ trẻ cách sống, chuẩn bị cho họ biết cách đối mặt với những khó khăn và những vấn đề chung của cả loài người; 3/ Thực tập tư cách công dân của đất nước và của toàn thế giới; có năng lực đối thoại, khoan dung trong thế giới phức hợp và đa dạng.

5. Triết học giáo dục ở nước Nga

Triết học giáo dục ngày nay đã trở thành xu hướng nghiên cứu và hợp tác quốc tế đầy triển vọng. Ở Nga, theo Nhà giáo ưu tú Lê Đức Mẫn (Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hoá Đông Tây), có tồn tại bốn chuẩn thức giáo dục: 1/ *Chuẩn thức giáo dục quyền uy*: kiểu giáo dục trong xã hội truyền thống, ở đó người thầy bao giờ cũng đúng và người học buộc phải tin tưởng và vâng lời; 2/ *Chuẩn thức duy tự nhiên* do Komenskiy đưa ra năm 1645 dựa trên ba luận đề: giáo dục mang tính người cao nhất đối với mọi loại người khác nhau, phải làm cho con người trở nên năng động, tháo vát và nỗ lực, muốn có giáo dục toàn diện thì phải có người thầy toàn diện; 3/ *Chuẩn thức giáo dục trong tập thể đồng tuổi*: ở đây, xét từ quan điểm giá trị luận, thì chủ nghĩa tập thể được hiểu là đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội và

tương lai tươi sáng, còn chủ nghĩa cá nhân thì đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản và hiểm họa của loài người; và 4/ *Chuẩn thức cá nhân thoát hiểm trong xã hội rủi ro*: chuẩn thức mới được xác lập và chưa được đánh giá chính xác, phản ánh thời đại mới của loài người, thời đại toàn cầu hoá hiện đại, đầy ưu thế và rủi ro.

Tương ứng với bốn chuẩn thức này là bốn giai đoạn phát triển của giáo dục Nga với những chuyển biến rõ rệt về mục tiêu của giáo dục. Giai đoạn I: đối tượng của giáo dục là con người tĩnh tại mang những giá trị đạo đức truyền thống của một xã hội đối lập giữa hai tầng lớp quý tộc phong kiến và nông nô. Giai đoạn II: đào tạo con người xã hội năng động hơn, xây dựng đội ngũ tinh hoa của đất nước nhằm thực hiện mơ ước đuổi và vượt Tây Âu, đồng thời bảo vệ chế độ chuyên chế của quý tộc trên nền tảng của những tư tưởng Chính thống giáo. Giai đoạn III: chuyển sang đào tạo con người theo mô hình "đỉnh ốc trong bộ máy nhà nước" và nguyên tắc tối cao là phục vụ cho Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chuẩn thức giáo dục này đã phục vụ tốt cho việc xây dựng một đại quốc gia đa dân tộc, đa sắc tộc, nhưng lại mất đi tính năng động sáng tạo khi đối mặt với những biến động toàn cầu. Giai đoạn IV: giai đoạn hiện nay với nhiều tên gọi khác nhau: toàn cầu hóa, hậu hiện đại, hậu văn minh, siêu duy lý, đại chuyên môn hóa, thế giới thông tin, thế giới phẳng,... và vì thế giáo dục phải sản sinh ra con người toàn cầu, con người phi đối xứng. Nền giáo dục Nga hiện cũng đang đi tìm con đường đúng đắn cho mình, trong đó khó khăn nhất vẫn là vấn đề mẫu hình con người, một con người không còn sự đối lập "nhân

văn - kỹ thuật", tự định hướng được trong thế giới thông tin nhiều nền văn hóa, biết chấp nhận những quan điểm khác mình và có trách nhiệm xã hội.

II. Về triết lý giáo dục ở Việt Nam

1. Vấn đề thực tiễn

Thực tiễn hoạt động giáo dục và triết lý giáo dục ở Việt Nam được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tại Hội thảo này, TS. Dương Kỳ Đức (Hội Ngôn ngữ học Việt Nam) nhận định, giáo dục đang là vấn đề “nóng - hot” ở nước ta hiện nay... với chương trình và sách giáo khoa quá tải và nhiều sai sót, với việc thi cử nặng nề, gian dối, với hiện tượng học giả bằng thật, chất lượng đào tạo đuối kém, lương bổng và trình độ giáo viên đều thấp, với sai lầm hệ thống, sai lầm thiết kế, v.v... Theo ông, để giải quyết bài toán giáo dục ở Việt Nam hiện nay, hiển nhiên không nên quá sa đà vào những vấn đề có tính chất kỹ thuật (như chương trình, sách giáo khoa, thi cử, lương bổng,...), mà nên tập trung tìm hiểu những cái thuộc về *triết lý giáo dục*, được hiểu là *những định thức gốc làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện sự nghiệp giáo dục của một cộng đồng*.

Còn theo GS., TS. Chu Hảo, nền giáo dục quốc dân của chúng ta vẫn đang cần có một cuộc cải cách triệt để mang tính cách mạng bởi nó không nhằm đào tạo ra những con người được phát triển toàn diện với đầy đủ phẩm giá: có nhân cách, và có khả năng tư duy phê phán độc lập, sáng tạo. Nền giáo dục này đang thực hành kiểu nhồi nhét kiến thức như "chất vào kho", khuyến khích sự thụ động, khuôn sáo và tinh thần khoa cử. Điều này trái hẳn với triết lý *Giáo dục nhân văn và sáng*

tạo của nền văn minh hiện đại.

Nền giáo dục này không tạo được *niềm hạnh phúc khi tới trường*. Ngày nay đi học là một gánh nặng, nhất là ở cấp học phổ thông. Đối với rất nhiều em, tới trường là một nỗi nhọc nhằn, khổ sở; tuổi thơ của các em đang bị "đánh cắp" bởi một chương trình giảng dạy nặng nề, nhàm chán và không thiết thực. Điều này trái hẳn với triết lý *Hạnh phúc giáo dục* của nền văn minh hiện đại.

Nền giáo dục này không tạo dựng được sự *Công bằng về cơ hội học tập cho mọi người*, đặc biệt là cho trẻ em ở tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. Hàng năm, Việt Nam có khoảng 8 triệu trẻ em dưới 6 tuổi; trong số đó chỉ có khoảng hơn 3 triệu em được đến nhà trẻ, lớp mẫu giáo. Ngay cả các em được đến lớp ấy cũng chưa chắc gì được nuôi dạy một cách chu đáo như mới đây chúng ta được chứng kiến hình ảnh một nhà trẻ ở Đồng Nai. Vậy mà lứa tuổi cần được hưởng sự công bằng về cơ hội học tập nhất lại là lứa tuổi từ dưới 1 đến 5. Khuynh hướng thương mại hoá giáo dục đang là nỗi ám ảnh khôn nguôi đối với xã hội. Điều này trái hẳn với triết lý *Công bằng giáo dục* của nền văn minh hiện đại.

Nền giáo dục này áp dụng một hệ thống quản lý tập trung quá mức. Nhà nước ôm vào mình những chức năng không cần có, làm mất quyền chủ động, linh hoạt của các cấp cơ sở. Quyền tự quản không được thực thi, đặc biệt là ở các trường đại học. Ngay trong nhà trường, sự mất dân chủ giữa người dạy và người học đã trở thành thâm căn cố đế. Điều này trái hẳn với triết lý *Dân chủ giáo dục* của nền văn minh hiện đại.

2. Vấn đề lý luận

Xuất phát từ lập trường của một thành viên cộng đồng, người đang thụ hưởng thành tựu và gánh chịu hậu quả của nền giáo dục Việt Nam hiện nay để nhìn nhận vấn đề, thì: 1/ Giáo dục là một sự nghiệp thiết thân của mọi thành viên cộng đồng, chứ không phải chỉ là sự nghiệp của nhà nước (với tư cách là chủ thể quản lý); 2/ Giáo dục là dịch vụ của cộng đồng (dịch vụ xã hội, dịch vụ công), chứ không phải chỉ là việc quản lý của nhà nước; 3/ Giáo dục phục vụ lợi ích của nhiều nhóm cộng đồng (nhóm xã hội), chứ không phải chỉ nhằm phục vụ lợi ích của nhà nước. TS. Dương Kỳ Đức coi đó là “triết lý thường dân” về giáo dục.

Nhà giáo ưu tú Vũ Thế Khôi tỏ ý đồng tình với bản *Kiến nghị* ngày 5/7/2004 gửi Trung ương Đảng và Chính phủ của GS. Hoàng Tụy cùng 23 vị giáo sư danh tiếng khác trong và ngoài nước khi họ nhận định rằng, mặc dù “từ năm 1966 đến nay Trung ương có nhiều nghị quyết đúng đắn”, chúng ta “trước hết cần thay đổi tư duy giáo dục <...>, dứt khoát từ bỏ đào tạo mẫu người chỉ biết ngoan ngoãn chấp hành, quen được dẫn dắt, bao cấp cả về tư duy và hành động, hơn là biết suy nghĩ độc lập và tự chịu trách nhiệm”. Ông mong muốn góp lời vào tiếng nói chung, và khẳng định: *đã có một tư duy giáo dục khác, một “triết lý giáo dục Việt Nam” khác, từng được thực thi* trong lịch sử canh tân và phát triển giáo dục Việt Nam, *nhằm đúng mục tiêu đào tạo mẫu người* “biết suy nghĩ độc lập và tự chịu trách nhiệm”, như bản *Kiến nghị* yêu cầu. Ông gọi đó là *triết lý giáo dục khai dân trí, chấn dân khí*, chẳng những từng chi phối trên thực tế công cuộc đấu tranh của phong trào Duy Tân 1903-1908, cải cách

tận gốc nền giáo dục Nho học thủ cựu đã tồn tại hàng ngàn năm, mà còn góp phần thúc đẩy các phong trào sau đó trên con đường tiếp tục cải cách giáo dục và đổi mới sinh hoạt văn hoá - xã hội nói chung trong một thời kỳ khá dài từ sau Đông Kinh Nghĩa Thục đến trước Cách mạng tháng Tám. Phần tích cực nhất của nó, phát huy dưới ánh sáng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và được sự chỉ đạo trực tiếp của Người, còn có tác động nhất định đến cả những bước đầu xây dựng nền giáo dục quốc dân mới sau năm 1945. Triết lý giáo dục này hình thành không phải trong chốc lát, bột phát, ngẫu nhiên trong những năm 1903-1908, mà được tinh hoa trí thức đất Việt xây dựng và phát triển kể từ khi Nho giáo và triết lý giáo dục của nó bước vào khủng hoảng cùng với triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam là triều Nguyễn.

TS. Vũ Duy Phú (Viện Những vấn đề phát triển) không đặt tên cho triết lý giáo dục theo quan điểm của mình. Ông chỉ nêu ra *sáu tiên đề mà triết lý giáo dục phải tuân theo*. Một là, giáo dục trước hết phải là một lĩnh vực hoạt động có đạo đức nhất, nghiêm túc nhất, và nhân bản nhất trong xã hội, vì đó là lĩnh vực trực tiếp tạo ra con người. Hai là, giáo dục phải đi trước một bước tạo điều kiện cho tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác phát triển. Ba là, giáo dục cần được nuôi dưỡng bởi một môi trường tự do nhất mà một xã hội có thể dành cho nó, bởi vì giáo dục không chỉ dạy chân lý, mà còn là nơi dạy khám phá những chân lý mới. Bốn là, lãnh đạo tối cao nhà nước là người có trọng trách quyết định nhất đối với sự phát triển của nền giáo dục. Năm là, giáo dục chỉ phụ thuộc vào mục tiêu cuối cùng của

xã hội chứ không bị đóng khung tư duy vào bất cứ một ý thức hệ nào. Sáu là, hiệu quả cao nhất của một nền giáo dục là chất lượng đào tạo con người, vì con người, đáp ứng được lợi ích phát triển bền vững chung của toàn xã hội.

3. Và vấn đề giải pháp

Hội thảo nhất trí cho rằng, một cuộc cải cách toàn diện và triệt để hệ thống giáo dục của Việt Nam là một yêu cầu bức thiết, không thể nấn ná, không thể tiếp tục tiến hành những Đề án Đổi mới chắp vá và thiếu hiệu quả như hơn hai mươi năm qua, và đề nghị tiến hành ngay một số biện pháp cấp bách sau:

1. Tạm dừng việc soạn thảo "Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2008-2020" mà Bộ Giáo dục đang tiến hành. Trước hết phải đặt câu hỏi vì sao lại chọn thời điểm từ 2008 trong khi Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001-2010 đã được Chính phủ phê duyệt đang được thực hiện và chưa đánh giá tổng kết? Sau nữa là vì nội dung bản dự thảo còn rất nhiều bất cập như ý kiến của nhiều người đã được lấy ý kiến tham khảo.

2. Kiên quyết không mở thêm mới các dự án lớn và tạm dừng các dự án đang làm thiếu hiệu quả của ngành giáo dục như Chính phủ đã thực hiện đối với các dự án khác trong Chiến dịch chống lạm phát hiện nay. Đặc biệt nên xem xét lại ngay Dự án Bốn trường Đại học quốc tế đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai.

3. Tiến hành kiểm tra tài chính công cho giáo dục (không phải chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý) và công khai, minh bạch mọi khoản chi tiêu trong 10-15 năm gần đây. Và sau đó mới

xem xét đến chủ trương tăng học phí ở các cấp mà Chính phủ đang trình Bộ Chính trị phê duyệt.

4. Thực hiện ngay một số *biện pháp đột phá trong quản lý giáo dục* để chuẩn bị tiền đề cho công cuộc cải cách sẽ được thực thi trong vài năm tới. Không có hệ thống quản lý giáo dục (con người, bộ máy và cơ chế) tốt thì không cuộc cải cách nào có thể thành công.

Các báo cáo khoa học, những ý kiến trình bày tại Hội thảo là những đóng góp quan trọng để vấn đề triết lý giáo dục và triết lý giáo dục ở Việt Nam tiếp tục được nghiên cứu chuyên sâu, đưa lại lời giải cho các vấn đề khấn thiết đặt ra đối với nền giáo dục Việt Nam ở hiện tại và cả trong tương lai.

DANH MỤC THAM LUẬN TẠI HỘI THẢO

1. Chu Hảo. Chúng ta đang đi theo triết lý giáo dục nào?.
2. Ngô Thế Phúc. Về chuẩn thức giáo dục thế kỷ XXI hay một số vấn đề phương pháp luận của triết học giáo dục.
3. Lê Đức Mẫn. Những vấn đề triết học giáo dục nước Nga.
4. Vũ Thế Khôi. Triết lý giáo dục "khai dân trí, chấn dân khí".
5. Phạm Khiêm Ích. Triết học giáo dục như là một bộ môn, một xu hướng nghiên cứu quốc tế.
6. Dương Kỳ Đức. Một triết lý giáo dục "thường dân".
7. Vũ Duy Phú. Nhu cầu bức thiết xây dựng một "triết lý giáo dục" phù hợp với yêu cầu phát triển mới ở Việt Nam.